

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/DS-ST

Ngày 26-4-2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Út.

Bà Võ Kiều Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 214/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 và Thông báo dõi ngày xét xử số 192/TB-TA ngày 17 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị Thùy T - Chủ hộ Kinh doanh Thùy Trang.

Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Khóm H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

+ Bà Nguyễn Thị Bé S, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Cao Thị Thùy T - Chủ hộ Kinh doanh Thùy Trang trình bày:

Từ ngày 22/02/2022, bà Cao Thùy Trang chủ h kinh doanh Thùy Trang có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa đối với ông Nguyễn Văn Ú. Theo thỏa thuận, bà T sẽ cung cấp các loại hàng hóa phục vụ nuôi tôm công nghiệp theo yêu cầu của vợ

chồng ông **Ú** và vợ chồng ông **Ú** có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng cho đại lý, do là chỗ làm ăn quen biết nên bà **T** có cho vợ chồng ông **Ú** nợ lại tiền hàng trong thời gian dài đến lần giao hàng cuối là ngày 25/06/2023 dương lịch.

Đến nay, bà **T** đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông **Ú** thanh toán nhưng vợ chồng ông **Ú** không hợp tác và cũng không có thiện ý trong việc thanh toán nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của **H** kinh doanh.

Nay bà **T** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Nguyễn Văn Ú** và bà **Nguyễn Thị Bé S** phải có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho bà **Trang chủ H1** kinh doanh Thùy Trang số tiền gốc là 391.300.000 đồng và yêu cầu thanh toán lãi chậm trả theo mức 10%/năm tính từ ngày 03/7/2023 (lần trả nợ cuối cùng) đến khi kết thúc vụ án, lãi hiện tại tạm tính đến ngày làm đơn khởi kiện là 17.300.000 đồng.

Đến thời điểm hòa giải ngày 19/01/2024, ông **Nguyễn Văn Ú** đã thanh toán thêm 15.000.000 đồng. Nên tổng số tiền bà **T** yêu cầu thanh toán gốc là 376.000.000 đồng và lãi là 17.300.000 đồng. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

* Bị đơn ông **Nguyễn Văn Ú** trình bày:

Ông **Ú** thừa nhận còn thiếu tổng số tiền gốc là 376.000.000 đồng, ông **Ú** không đồng ý tính lãi. Phía ông **Ú** có phương án thỏa thuận mỗi vụ thanh toán 20.000.000 đồng trở lên. Trường hợp yêu cầu thanh toán một lần thì ông **Ú** không đồng ý.

Đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị Bé S** không có ý kiến gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện. Bà **Nguyễn Thị Bé S** có đơn xin xét xử vắng mặt (đề ngày 10/4/2024) với lý do: Bận làm ăn xa, không có thời gian tham gia xét xử.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà **Cao Thị Thùy T** – Chủ hộ Kinh doanh Thùy Trang bảo lưu quan điểm yêu cầu bị đơn ông **Nguyễn Văn Ú** và bà **Nguyễn Thị Bé S** thanh toán toàn bộ số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm còn nợ là 376.000.000 đồng. Tiền lãi suất chỉ tính từ ngày 03/7/2023 cho đến ngày xét xử là 10%/năm (hơn 06 tháng). Tuy nhiên bà **T** chỉ yêu cầu 17.300.000 đồng do ông **Ú** không thực hiện việc trả nợ.

Bị đơn ông **Nguyễn Văn Ú** thừa nhận vợ chồng có nợ tiền mua bán thức ăn nhiều lần đối với bà **T** là 376.000.000 đồng, đồng ý thanh toán cho bà **T** nhưng do điều kiện nuôi tôm khó khăn nên sẽ thanh toán cho bà **T** sau những vụ nuôi tôm là 20.000.000 đồng. Trường hợp có khả năng thêm nữa thì thanh toán nhiều hơn. Không đồng ý trả lãi vì hiện chưa có khả năng thanh toán vốn nên việc thanh toán lãi là không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Cao Thị Thùy T yêu cầu thanh toán tiền Hợp đồng mua bán với ông Nguyễn Văn Ú nên xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng dân sự và giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Bé S có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Bé S.

[2] Xét yêu cầu của bà Cao Thị Thùy T: Bà T đại diện Hộ kinh doanh Thùy Trang xác định có Hợp đồng mua bán các loại hàng hóa để phục vụ nuôi tôm cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Ú, thời gian dài tính đến ngày 25/6/2023 là lần giao hàng hóa cuối cùng vợ chồng ông Nguyễn Văn Ú1 còn nợ tổng cộng là 391.300.000 đồng. Ngoài ra bà Cao Thị Thùy T yêu cầu tính lãi 10%/năm từ ngày 03/07/2023 đến kết thúc vụ án với số tiền lãi là 17.300.000 đồng. Hiện tại ông Nguyễn Văn Ú đã thanh toán tiền vốn được 15.000.000 đồng còn lại 376.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn Ú thừa nhận có mua hàng hóa của bà Cao Thị Thùy T và nợ số tiền 376.000.000 đồng. Do không có khả năng thanh toán nên chỉ đồng ý trả mỗi vụ tôm là 20.000.000 đồng. Không đồng ý yêu cầu tính lãi của bà T.

Xét thấy, Hợp đồng mua bán hàng hóa (thức ăn nuôi tôm công nghiệp) giữa bà Cao Thị Thùy T - Hộ kinh doanh Thùy T và vợ chồng ông Nguyễn Văn Ú là thực tế có xảy ra. Ông Nguyễn Văn Ú có ký nợ vào bảng kê hàng và thừa nhận còn nợ bà Cao Thị Thùy T 376.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Bé S là vợ ông Ú có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng không có ý kiến gì về số nợ bà Cao Thị Thùy T yêu cầu. Do đó bà Cao Thị Thùy T yêu cầu vợ chồng là ông Ú và bà S thanh toán số tiền 376.000.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Cao Thị Thùy T 10%/năm đối với số tiền nợ gốc 391.300.000 đồng kể từ ngày 03/7/2023 đến ngày xét xử là 17.300.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Lý do trong quá trình mua bán hàng hóa phía ông Ú và bà S không thực hiện đúng việc trả nợ cho bà T kể từ thời điểm giao hàng lần cuối cùng giữa ông Ú với bà T. Mặt khác, lãi suất bà T yêu cầu không vượt mức lãi suất Ngân hàng N quy định cũng như mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự và chỉ yêu cầu 06 tháng. Do đó buộc ông Ú và bà S có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi 17.300.000 đồng cho bà T là phù hợp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị Bé S phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Cao Thị Thùy T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 453, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Thùy T - Chủ hộ kinh doanh Thùy Trang. Buộc ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị Bé S cùng liên đới thanh toán cho bà Cao Thị Thùy T số tiền là 393.300.000 đồng.

2. Kể từ ngày bà Cao Thị Thùy T có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị Bé S chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng ông Ú và bà S còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị Bé S phải liên đới chịu số tiền là 19.665.000 đồng (chưa nộp). Bà Cao Thị Thùy T không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả lại cho bà Cao Thị Thùy T số tiền 10.172.000 đồng dự nộp tại biên lai số 0013803 ngày 18/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Khánh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Kiên

